

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 36/2022/DS-PT

Ngày 30/9/2022

Về tranh chấp đất đai.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Hải Yến

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Vũ Duy Luân

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án

*Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa:* Bà Trương Thị Huyền  
– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp đất đai”, do có kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXPT-DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đàm Văn Ch, sinh năm 1942 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1942. Điều cư trú: Số nhà 15, ngõ 799, phố L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đàm Văn Ch và bà Phạm Thị L:* Ông Nguyễn Văn H - Luật sư Văn phòng Luật sư Thái Bình, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Số nhà 10, ngõ 799, phố L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố ThB, tỉnh Thái Bình.

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Vương Anh B, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Điều cư trú: Số nhà 59, phố Ng T Qu, tổ 15, phường Tr L, thành phố Th B,

tỉnh Thái Bình.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh B, chị H:* ông Phạm Huy H – Văn phòng luật sư H và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình

3.2. Ủy B1n nhân dân phường Tr L, thành phố Th B tỉnh Thái Bình. Đại diện theo pháp luật là ông Phan Ngọc L – Chủ tịch Ủy B1n nhân dân phường Tr L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3.3. Anh Hoàng Công Th, sinh năm 1991.

3.4. Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1992.

Đều cư trú: Số nhà 10, ngõ 799, đường L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

*\* Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T, anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Th, chị Th, đại diện UBND phường Tr L, có mặt các đương sự khác).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***\* Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày:***

Ngày 19/8/1979, ông và ông Hoàng Công B1 có ký vào đơn xin nhượng ao, người nhượng là Hoàng Công B1, người được nhượng là Đàm Văn Ch. Nội dung trong đơn thể hiện ông B1 nhượng ao cho ông Ch, có tứ cận, liền kề với hộ gia đình nhà ông Ch nhưng không rõ diện tích (mua mới); đơn xin nhượng ao trên được ông Phan Xuân Tr thuộc ban quản trị Hợp tác xã nông nghiệp Ch L xác nhận. Hai bên thỏa thuận thanh toán thửa đất ao trên bằng 25 cây tre luồng loại 3 và 350 đồng để mua giấy dầu và mượn người ăn làm. Sau khi thanh toán xong và nhận đất các bên tự nhận với nhau chứ không mời địa phương chứng kiến mà chỉ có con trai cả của ông B1 là ông Hoàng Công B2 làm chứng, không tiến hành đo đạc diện tích đất ao. Sau khi mua được diện tích đất ao trên, ông sáp nhập vào thửa đất của nhà ông. Thời điểm mua đất ao trên, cả đất nhà ông và đất ao đều chưa thể hiện trên bản đồ. Tại bản đồ 299 thể hiện đất nhà ông mảnh 281b-III, số thửa 114, diện tích 884m<sup>2</sup> không thể hiện rõ là đất thổ hay đất ao. Năm 1985, ông bán diện tích 240m<sup>2</sup> cả phần đất thổ ở phía Bắc và phần đất ao ở phía Nam cho ông Bùi Văn Ph. Sau đó ông Ph đã được Nhà nước cấp bìa đỏ xây nhà ở trên diện tích đất

trên, hiện tại ông Ph đã bán thửa đất trên cho người khác. Ngày 18/5/2021, ông Bùi Văn Ph có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Tr H Đ , thành phố Th B về việc mua bán đất trên và Giấy xác nhận của anh Hoàng Công B2 là con trai của ông Hoàng Công B1 đề ngày 01/5/2016. Đối với thửa số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241, diện tích 180m<sup>2</sup> tại địa chỉ ngõ 799, phố L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B h, tỉnh Thái Bình thì ông cho rằng thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà nhưng chưa được cấp bìa đỏ vì năm 2016, ông B đến vây dây thép xung quanh vườn và nhổ hoa màu trên đất và nói rằng diện tích đất trên do ông Hoàng Công L là con của ông Hoàng Công B1 và vợ ông L là bà Nguyễn Thị T đã bán cho anh Vương Anh B và chị Nguyễn Thị H. Anh B đưa cho ông giấy biên nhận chuyển nhượng đất vườn tap đề năm 2010, không đề ngày tháng giữa bên chuyển nhượng là ông Hoàng Công L , bà Nguyễn Thị T và bên nhận chuyển nhượng là anh Vương Anh B và chị Nguyễn Thị H, có tổ trưởng là Phan Thị L , người làm chứng là Trần Thị M và có xác nhận của Ủy B1n nhân dân phường TrL, thành phố Thái Bình. Việc mua bán đất trên thì vợ chồng ông đều không biết và không đồng ý mà do ông L , bà T tự ý bán đất. Sau đó, ông gửi đơn ra Ủy ban nhân dân phường Tr L yêu cầu giải quyết. Năm 2016, Ủy ban nhân dân phường TrL đã gọi vợ chồng ông, bà T, anh B, chị H lên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến ngày 12/5/2021, Ủy ban nhân dân phường Tr L tiến hành hòa giải lần thứ hai nhưng không hòa giải được. Ông đang đóng thuế thửa đất thổ số 685, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996; còn thửa đất ao số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996 ông được miễn thuế có đơn xin xác nhận đề ngày 13/7/2021, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Tr L, thành phố Thái Bình. Ông bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T, anh Th và chị Th phải trả diện tích 180 m<sup>2</sup> đất ao, tại thửa số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241, tại địa chỉ thửa đất: Ngõ 799, phố L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B , tỉnh Thái Bình cho vợ chồng ông bà.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị T (vợ ông Hoàng Công L , con dâu ông Hoàng Công B1) trình bày:** Từ khi bà lấy ông L , nhà chồng bà đã có mảnh ao chưa lấp, gia đình bà vẫn thả cá ở đó từ năm 1990 và thu hoạch cá hằng năm, không ai có ý kiến gì. Khi bà lấy ông L, ông B1 đã chết nên giữa ông B1 và ông Ch, bà L có việc mua bán, chuyển nhượng đất như thế nào bà không biết. Bà cũng chưa từng nghe thấy ông L nói với bà về việc ông B1 bán mảnh ao trên cho ông Ch, bà L. Nguồn gốc mảnh ao trên do ông Hoàng Công B1 để lại cho ông L. Các giấy tờ liên quan đến thửa đất, bà T không rõ. Sau đó, vợ chồng bà thuê người lấp một nửa ao để bán. Đến năm 2010, vợ chồng bà bán mảnh ao trên có diện tích 170 m<sup>2</sup>, loại đất

vườn tạp mang tên chồng bà là Hoàng Công L cho anh B, chị H, có viết giấy mua bán và đã giao nhận tiền đầy đủ. Thời điểm mua bán không có ai ý kiến hay tranh chấp gì. Việc mua bán mảnh đất được Ủy ban nhân dân phường Tr L xác nhận. Việc mua bán diễn ra giữa hai bên, chưa có hợp đồng công chứng. Việc đóng thuế đối với mảnh ao trên như thế nào bà không rõ. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của ông Ch, bà L vì mảnh đất mang tên ông L nên việc vợ chồng bà bán cho ai là quyền của bà. Ông Ch, bà L không có quyền định đoạt đối với mảnh đất trên. Bà không có yêu cầu phản tố và quan điểm của bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vương Anh B và chị Nguyễn Thị H trình bày:** Tháng 5/2010, vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị T một mảnh đất vườn tạp, khi mua một nửa là ao, một nửa là đất vườn. Sau khi mua xong, vợ chồng anh là người trực tiếp lấp ao, việc lấp ao diễn ra từ năm 2010 đến năm 2015. Khi mua bán không có việc ký giáp ranh mốc giới giữa các hộ liền kề, hai bên có tiến hành đo đạc nhưng không ký xác nhận. Vợ chồng anh mua mảnh đất trên có diện tích 170 m<sup>2</sup>, hai bên thỏa thuận mua bán với giá 102.000.000 đồng và đã giao nhận tiền đầy đủ. Thời điểm mua, thửa đất trên không có tranh chấp, không thấy ai có ý kiến gì. Việc mua bán thửa đất được Ủy ban nhân dân phường Tr L xác nhận. Do việc mua bán diễn ra giữa hai bên, chưa có hợp đồng công chứng nên hai bên đều chưa đóng loại thuế gì đối với việc mua bán thửa đất trên. Vợ chồng anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ch, bà L vì đã mua bán đất với ông L, bà T, việc mua bán đã được chính quyền địa phương chứng nhận. Thời điểm đó, do hạn chế về mặt pháp luật nên nghĩ việc mua bán thửa đất chỉ cần chính quyền địa phương xác nhận là được chứ không cần thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác. Vợ chồng anh không có yêu cầu độc lập và quan điểm của vợ chồng anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Công Th (con trai ông Hoàng Công L và bà Nguyễn Thị T)** Nhà anh có một thửa đất cha ông để lại, bố mẹ anh đã bán cho anh B đúng theo quy định của pháp luật nên anh không có ý kiến gì về việc bán đất trên nhưng ông Ch lại nhận là đất của gia đình ông Ch như vậy là không đúng.

**\* Ý kiến của chị Hoàng Thị Th :** Tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Công Th .

**\* Ý kiến Ủy ban nhân dân phường Tr L:** Theo tài liệu hồ sơ bản đồ 299,

năm 1984, mảnh bản đồ 281 –b –III, số thửa 115, diện tích 213 m<sup>2</sup> loại đất ao, không ghi tên chủ sử dụng, đất do hợp tác xã quản lý. Theo tài liệu hồ sơ bản đồ 241 năm 1996, tờ bản đồ số 09, thửa đất 714, diện tích 180 m<sup>2</sup>, loại đất ao, mang tên ông Hoàng Công L có địa chỉ tổ 26 cũ (nay là tổ 16), phường Tr L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) ông L là chồng bà Nguyễn Thị T. Theo bản đồ Vilap đo vẽ năm 2011, thửa số 145, tờ bản đồ số 63, diện tích 202,8 m<sup>2</sup>, loại đất LNK (Đất trồng cây lâu năm khác) mang tên anh Vương Anh B. Tại thời điểm năm 1996, ông Hoàng Công L là người trực tiếp sử dụng thửa đất số 714, diện tích 180 m<sup>2</sup>, loại đất ao, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996 và là người mang tên thửa đất tại bản đồ trên, còn việc ông L được ai giao nhận, chuyển nhượng, mua bán, thừa kế hay tặng cho của ai thì địa phương không rõ. Nguồn gốc để ông L được sử dụng 180 m<sup>2</sup> đất ao trên như thế nào địa phương không rõ. Thời điểm ông L mang tên theo bản đồ 241 là theo hiện trạng sử dụng chứ không phải là chứng minh quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Công L. Đến năm 2010, ông Hoàng Công L cùng vợ là bà Nguyễn Thị T, cư trú tại số nhà 10, ngõ 799, tổ 26 (nay là tổ 16), phường Tr L chuyển nhượng cho anh Vương Anh B cùng vợ là Nguyễn Thị H có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố số 26 cũ, có chữ ký của bên mua, bên bán và người làm chứng là bà Trần Thị M, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Tr L ngày 12/5/2010 do ông Đoàn Đình Th – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ký. Diện tích đất ao tại bản đồ 241 là 180 m<sup>2</sup> như theo trích đo thực tế diện tích ao là 203,7 m<sup>2</sup>. Lý do diện tích đất ao tăng lên so với bản đồ 241 là do lấn chiếm đất thủy lợi. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường Tr L đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất ao là 180 m<sup>2</sup>.

**\* Người làm chứng ông Bùi Văn Ph trình bày:** Năm 1983, ông mua của ông Ch một mảnh đất ở liền kề với ao có diện tích 240 m<sup>2</sup> với giá 1.000 đồng giá trị tiền thời điểm lúc bấy giờ, tương đương với một chiếc xe đạp. Ngoài ra, các bên không mua bán chuyển nhượng đất nào khác. Tứ cận cụ thể là phía Đông giáp ruộng hợp tác xã nông nghiệp; phía Tây phần trên giáp vườn ông Ch, phần dưới giáp ao ông Ch; phía Bắc giáp vườn ông Ch; phía Nam giáp máng nước. Ông đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Sau đó ông bán 240 m<sup>2</sup> đất trên cho ông Đỗ Văn B. Quan điểm ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**\* Người làm chứng ông Hoàng Công B2 trình bày:** Việc có đơn xin nhượng ao đề ngày 19/8/1979 nội dung ông Hoàng Công B1 nhượng thửa ao cho

ông Đàm Văn Ch có hay không ông không biết vì ông không được chứng kiến việc viết đơn, mua bán hay chuyển nhượng gì giữa ông Hoàng Công B1 với ông Đàm Văn Ch. Đối với giấy xác nhận đề ngày 01/5/2016 nội dung xác nhận việc ông B1 có đơn xin nhượng ao đề ngày 19/8/1979 cho ông Ch là do ông Ch đọc cho ông viết. Lý do là ông đồng ý viết là nể ông Ch là con nuôi của ông B1. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 18/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Th B , tỉnh Thái Bình đã căn cứ Điều 100; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 26/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn Ch và bà Phạm Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Hoàng Công Th và chị Hoàng Thị Th phải trả cho ông Đàm Văn Ch và bà Phạm Thị L diện tích 180 m<sup>2</sup> đất ao, tại thửa số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996; địa chỉ thửa đất tại: Ngõ 799, phố L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B h, tỉnh Thái Bình với số đo cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp ngõ chung dài 2,74 m + giáp ngõ nhà ông B đang sử dụng dài 7,93 m + 1,44m + 0,56 m + 0,97 m;

- Phía Đông Nam giáp rãnh thoát nước dài 13,41m;

- Phía Tây Nam giáp rãnh thoát nước và ngõ chung dài 12,35 m;

- Phía Đông Bắc giáp sân, vườn nhà ông B dài 1,17 m + 12,62 m;

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/5/2022 bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 30/5/2022, anh Vương Anh B và chị Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 714, bản đồ 241, diện tích 170m<sup>2</sup> tại tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B , tỉnh Thái Bình giữa anh B, chị H với ông L, bà T có hiệu lực pháp luật và giao quyền sử dụng thửa đất trên cho anh B, chị H.

- Trường hợp Tòa án công nhận hợp đồng mua bán thửa đất trên giữa ông Đàm Văn Ch và ông Hoàng Công B1 có hiệu lực pháp luật và buộc bà Nguyễn Thị T phải trả thửa đất trên cho ông Ch sử dụng thì yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả

lại số tiền mà anh, chị đã bỏ ra để mua thửa đất trên theo giá thị trường hiện nay là 612.000.000 đồng. Ông Ch có trách nhiệm bồi thường cho anh B, chị H số tiền 306.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Anh Th , chị Th đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt, đại diện UBND phường Tr L, thành phố Thái Bình có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các đương sự:

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

- Anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H tự nguyện trả lại bà Nguyễn Thị T, anh Hoàng Văn Th , chị Hoàng Thị Th thửa đất số thửa số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996, diện tích 180m<sup>2</sup> đất ao, để bà T, anh Thái, chị Thủy trả cho ông Ch, bà L theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Ông Đàm Văn Ch, bà Trần Thị L tự nguyện hỗ trợ cho anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H số tiền 240.000.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy cần áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng

dân sự: sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự: sửa bản án sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 18/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Th B , tỉnh Thái Bình, theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

Căn cứ Điều 100; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn Ch và bà Phạm Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Hoàng Công Th và chị Hoàng Thị Th phải trả cho ông Đàm Văn Ch và bà Phạm Thị L diện tích 180 m<sup>2</sup> đất ao, tại thửa số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996; địa chỉ thửa đất tại: Ngõ 799, phố L B, tổ 16, phường Tr L, thành phố Th B , tỉnh Thái Bình với số đo cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc giáp ngõ chung dài 2,74 m + giáp ngõ nhà ông B đang sử dụng dài 7,93 m + 1,44m + 0,56 m + 0,97 m;

- Phía Đông Nam giáp rãnh thoát nước dài 13,41m;

- Phía Tây Nam giáp rãnh thoát nước và ngõ chung dài 12,35 m;

- Phía Đông Bắc giáp sân, vườn nhà ông B dài 1,17 m + 12,62 m;

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H tự nguyện trả lại bà Nguyễn Thị T, anh Hoàng Văn Thái, chị Hoàng Thị Thủy thửa đất số 714, tờ bản đồ số 09, bản đồ 241 năm 1996, diện tích 180m<sup>2</sup> đất ao (theo Giấy biên nhận chuyển nhượng đất vườn tạp được Ủy ban nhân dân phường Tr L, thành phố Thái Bình xác nhận ngày 12/5/2010), để bà T, anh Th , chị Th trả cho ông Ch, bà L.

3. Ông Đàm Văn Ch, bà Phạm Thị L tự nguyện hỗ trợ cho anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H số tiền 240.000.000 đồng (đã nhận đủ).

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Anh Vương Anh B, chị Nguyễn Thị H chịu cả 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh B, chị H đã nộp



tại Biên lai thu số 0000661 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai thu số 0000648 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/9/2022.

**Nơi nhận:**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân  
thành phố Th B ;

*(đã ký)*

- Các đương sự; NBVQL.

- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**Lương Hải Yến**